XIN CHÀO VIỆT NAM
17-01-19

true friend KIS CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam

Biến động thị trường

	17/01	1T (%)	3T (%)
VN Index	902	-3.4%	-7.2%
GTGD	2,465	(Tỷ đồng)	
Khối ngoại mua ròng	26	(Tỷ đồng)	

Nguồn: Bloomberg-Finpro

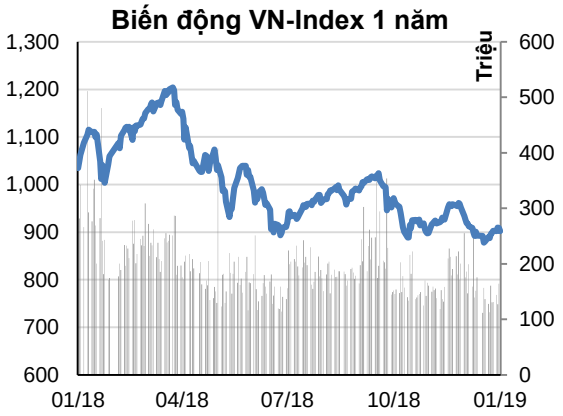

Trái phiếu và Hàng hóa

	17/01	1T	3T
Lãi suất TPCP 1 năm	3.475%	4.150%	4.140%
Lãi suất TPCP 3 năm	3.783%	4.400%	4.343%
Lãi suất TPCP 10 năm	4.895%	5.168%	5.063%
Dầu WTI ($/thùng)	51.69	49.88	69.75
Vàng ($/oz)	1,294	1,246	1,222

Nguồn: Bloomberg

Phạm Tấn Phát

(+84 28) 3914 8585 - Ext: 1468
phat.pt@kisvn.vn
www.kisvn.vn

Trần Trương Mạnh Hiếu

(+84 28) 3914 8585 - Ext: 1464
hieu.ttm@kisvn.vn
www.kisvn.vn

Áp lực bán tăng cao về cuối phiên

- Thị trường chứng khoán có phiên điều chỉnh khi áp lực bán xuất hiện trong phiên ATC. VN-Index mất 0.75% thoái lui về mức 902 điểm với khối lượng giao dịch gia tăng 116 triệu cổ phiếu khớp lệnh tương đương 1,903 tỷ đồng giá trị.
- Bên bán chiếm ưu thế khi số lượng mã giảm vượt trội, 174 mã giảm so với 102 mã tăng trên sàn HSX. VN30-Index điều chỉnh mạnh 1.27% với 25 cổ phiếu trong rổ đóng cửa trong sắc đỏ, đặc biệt GMD, HSG, SSI và VPB giảm trên 2%.
- Bất động sản và thực phẩm thiết yếu có diễn biến xấu với sự đi xuống từ VRE (-4.3%), VHM (-0.6%), NVL (-1.2%), SAB (-1.9%), MSN (-1.5%) và VNM (-0.6%). Bên cạnh đó, dầu khí cũng có sự điều chỉnh như GAS, PVT và PVS.
- Chiều ngược lại, BVH, MBB, TCB, DPM, DHG và FLC nhận được dòng tiền tích cực, qua đó giúp chỉ số tránh được phiên giảm sâu.
- Khối ngoại tiếp tục mua ròng phiên thứ 7 liên tiếp với giá trị 26 tỷ đồng trên HSX. Nhóm này mua mạnh các mã VNM, MSN và VCB với giá trị 29 tỷ đồng, 17 tỷ đồng và 13 tỷ đồng. Ở chiều bán, VJC, HPG và SSI bị bán ra nhiều nhất.

Nhận định thị trường: Lực bán trên nhóm vốn hóa lớn đẩy rủi ro gia tăng trở lại. Trong trung hạn, sự tiêu cực vẫn chiếm ưu thế do đó nhà đầu tư cần thận trọng và giảm dần tỷ trọng cổ phiếu nếu những tín hiệu tiêu cực được xác nhận.

Bản đồ giao dịch

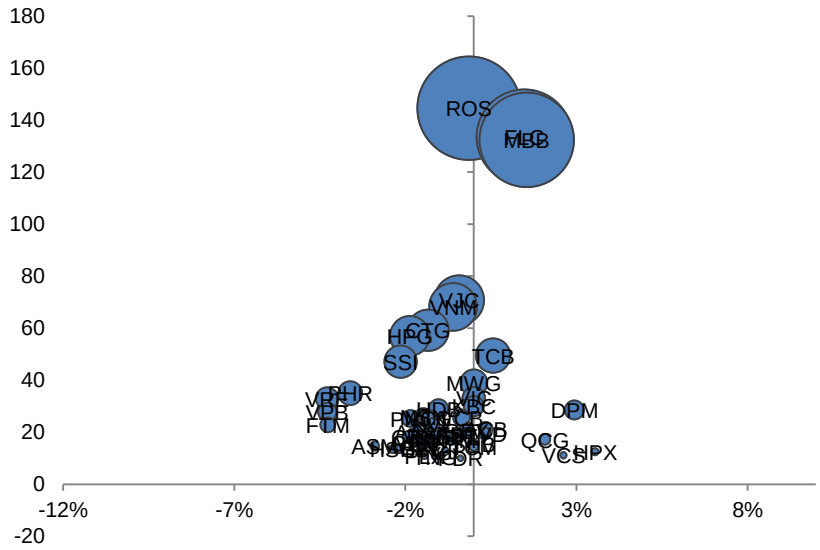

Chú thích: trục ngang – biến động giá, trục dọc – giá trị giao dịch (tỷ đồng)

Phân tích kỹ thuật

VN-Index

Hỗ trợ 1: 850-860	Kháng cự 1: 907-915
Hỗ trợ 2: 800-810	Kháng cự 2: 925-930

Quan điểm kỹ thuật 20 ngày - VN-Index

VN-Index tạo cây nến giảm điểm có thân nến dài và đóng cửa thấp nhất phiên cho thấy bên bán đã quyết liệt hơn trong phiên hôm nay. Khối lượng khớp lệnh gia tăng trở lại khi đạt 117 triệu cổ phiếu khớp lệnh vượt trên mức bình quân 10 phiên.

Ở góc độ ngắn hạn (dưới 20 ngày), VN-Index đã có 2 phiên giảm điểm từ ngưỡng 913 điểm. Cây nến giảm có thân nến dài đi kèm với khối lượng gia tăng hôm nay phát đi tín hiệu cảnh báo. Đồng thời, chỉ báo RSI đã đi xuống trở lại từ ngưỡng 50 và duy trì trong vùng bearish của chỉ báo (dưới ngưỡng 50). Tín hiệu giảm điểm hôm nay đồng thời cho thấy chỉ số đã gặp khó ở vùng khoảng trống giá xuống (Gap down) hình thành trước đó. Vì vậy, khả năng nhịp điều chỉnh có thể đang quay trở lại với vùng hỗ trợ gần quanh 880 điểm.

Ở góc độ trung hạn (1-3 tháng), tín hiệu kỹ thuật trung hạn vẫn đang là giảm điểm với kháng cự trung hạn tại 925 điểm trong khi hỗ trợ tiềm năng đang là 800 điểm.

Hành động

Chỉ số có phiên thứ 2 giảm điểm liên tiếp và phát đi tín hiệu tiêu cực. Nhà đầu tư nên cân cân nhắc hiện thực hóa lợi nhuận những mã tăng vượt trội vừa qua và đang có dấu hiệu chốt lời. Việc mua mới nên chờ đợi tín hiệu mới từ thị trường.

Thống kê thị trường

SÀN GIAO DỊCH HSX

		Tăng / Giảm	Tăng / Giảm (%)
VN-Index	**902**	-6.81	-0.7%
KLGD ('000 cổ phiếu)	133,889	-30,402	-18.5%
GTGD (tỷ VND)	2,465	-1,310	-34.7%

Thống kê tăng/giảm	
SL CP tăng giá	102
SL CP giảm giá	174
SL CP không đổi	101

Top 5 cổ phiếu Leader

Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	VND	VND	Điểm
BVH	91,900	1,900	0.41
MBB	19,750	300	0.20
TCB	26,650	150	0.16
EIB	14,900	400	0.15
DPM	22,750	650	0.08

Top 5 cổ phiếu Laggard

Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	VND	VND	Điểm
VRE	30,100	-1,350	-0.960
GAS	89,000	-1,600	-0.936
SAB	234,500	-4,500	-0.882
VPB	19,000	-850	-0.638
VHM	79,800	-500	-0.512

Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)

Mã CP	Giá	KLGD	GTGD
	VND	triệu cp	tỷ đồng
ROS	35,550	4.10	144.6
FLC	5,500	24.04	133.5
MBB	19,750	6.68	132.4
VJC	115,500	0.61	70.7
VNM	132,200	0.51	68.2

Top 5 Ngành Tăng

Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
Công nghiệp	2.6%	-0.44

Top 5 Ngành Giảm

Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
Dịch vụ tiện ích	-1.6%	-1.04
Năng lượng	-1.2%	-0.32
CNTT	-1.1%	-0.10
TD thiết yếu	-1.1%	-1.90
Nguyên vật liệu	-0.8%	-0.33

SÀN GIAO DỊCH HNX

		Tăng / Giảm	Tăng / Giảm (%)
HNX-Index	**102**	-0.06	-0.1%
KLGD ('000 cổ phiếu)	16,645	-2,233	-11.8%
GTGD (tỷ VND)	197	-32	-14.1%

Thống kê tăng/giảm	
SL CP tăng giá	82
SL CP giảm giá	65
SL CP không đổi	220

Top 5 cổ phiếu Leader

Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	VND	VND	Điểm
ACB	28,900	100	0.13
VCS	62,600	1,600	0.05
PVI	33,900	1,400	0.05
NVB	8,400	100	0.03
SRA	15,100	1,300	0.02

Top 5 cổ phiếu Lagguad

Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	VND	VND	Điểm
VGC	18,200	-300	-0.06
DGC	42,000	-1,200	-0.05
PVS	17,800	-200	-0.05
SHN	9,400	-400	-0.05
DBC	22,800	-700	-0.04

Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)

Mã CP	Giá	KLGD	GTGD
	VND	triệu cp	tỷ đồng
VCG	22,600	1.12	25.4
ACB	28,900	0.74	21.3
PVS	17,800	1.03	18.4
VGC	18,200	0.87	16.1
SHB	7,000	2.19	15.4

Top 5 Ngành Tăng

Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
Khác	4.8%	0.01
Nguyên vật liệu	1.7%	0.08
Tài chính	0.5%	0.12
TD không thiết yếu	0.2%	0.01
CNTT	0.1%	0.02

Top 5 Ngành Giảm

Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
TD thiết yếu	-1.7%	-0.07
Dịch vụ tiện ích	-1.2%	-0.4%
Năng lượng	-0.8%	-7.2%
Công nghiệp	-0.8%	-13.1%
Y Tế	-0.6%	-1.2%

Giao dịch khối ngoại

HOSE

Top 5 CP nước ngoài mua ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
VNM	132,200	96.0	66.6	29.4
MSN	80,200	18.8	0.9	17.9
VCB	55,200	14.3	0.8	13.5
DPM	22,750	13.9	2.1	11.9
POW	15,600	17.6	8.7	8.9

Top 5 CP nước ngoài bán ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
VJC	115,500	0.9	35.5	-34.6
HPG	28,900	1.8	16.8	-15.0
SSI	25,200	0.4	11.9	-11.5
HDB	28,900	2.5	11.5	-9.0
CII	23,800	0.1	5.3	-5.2

HNX

Top 5 CP nước ngoài mua ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
VGC	18,200	3.1	1.8	1.3
PVC	6,100	0.0	0.0	0.0
NET	26,900	0.0	0.0	0.0
APS	3,200	0.0	0.0	0.0
AMV	35,900	0.2	0.1	0.0

Top 5 CP nước ngoài bán ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
DBC	22,800	0.0	1.0	-1.0
WCS	135,000	0.0	0.0	0.0
TNG	17,400	0.0	0.4	-0.4
TCS	6,500	0.0	0.3	-0.3
PLC	16,000	0.0	0.3	-0.3

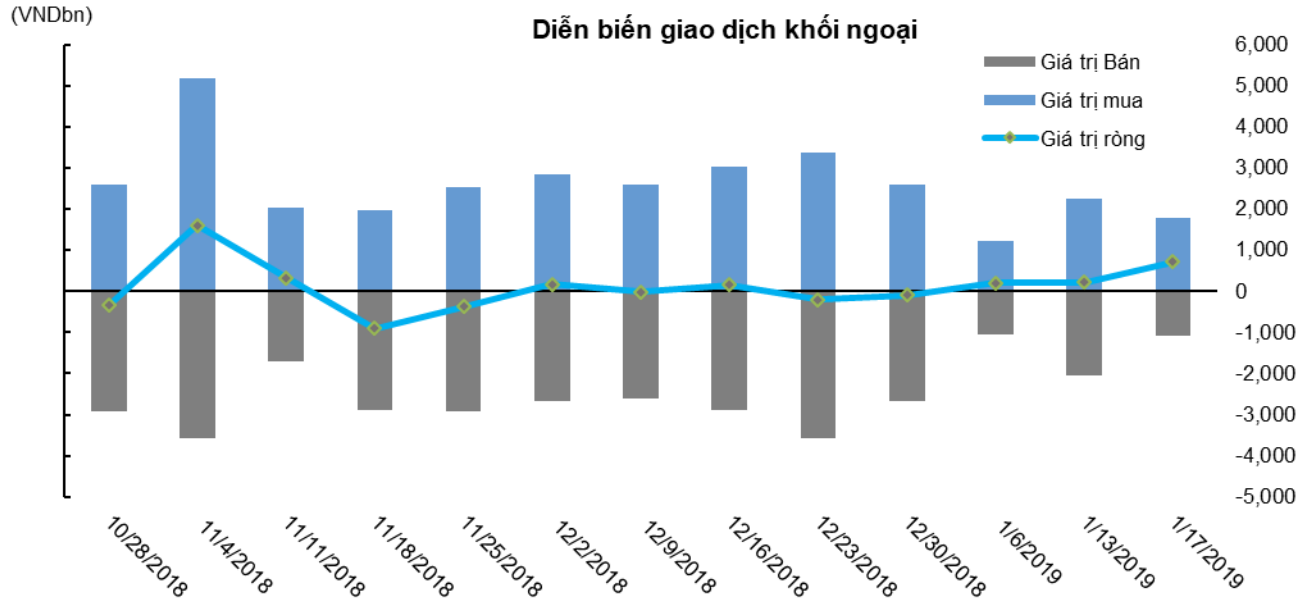

Thị trường phái sinh

Quan điểm kỹ thuật HĐTL Tháng 02

Hỗ trợ 1: 830	Kháng cự 1: 847
Hỗ trợ 2: 800	Kháng cự 2: 856

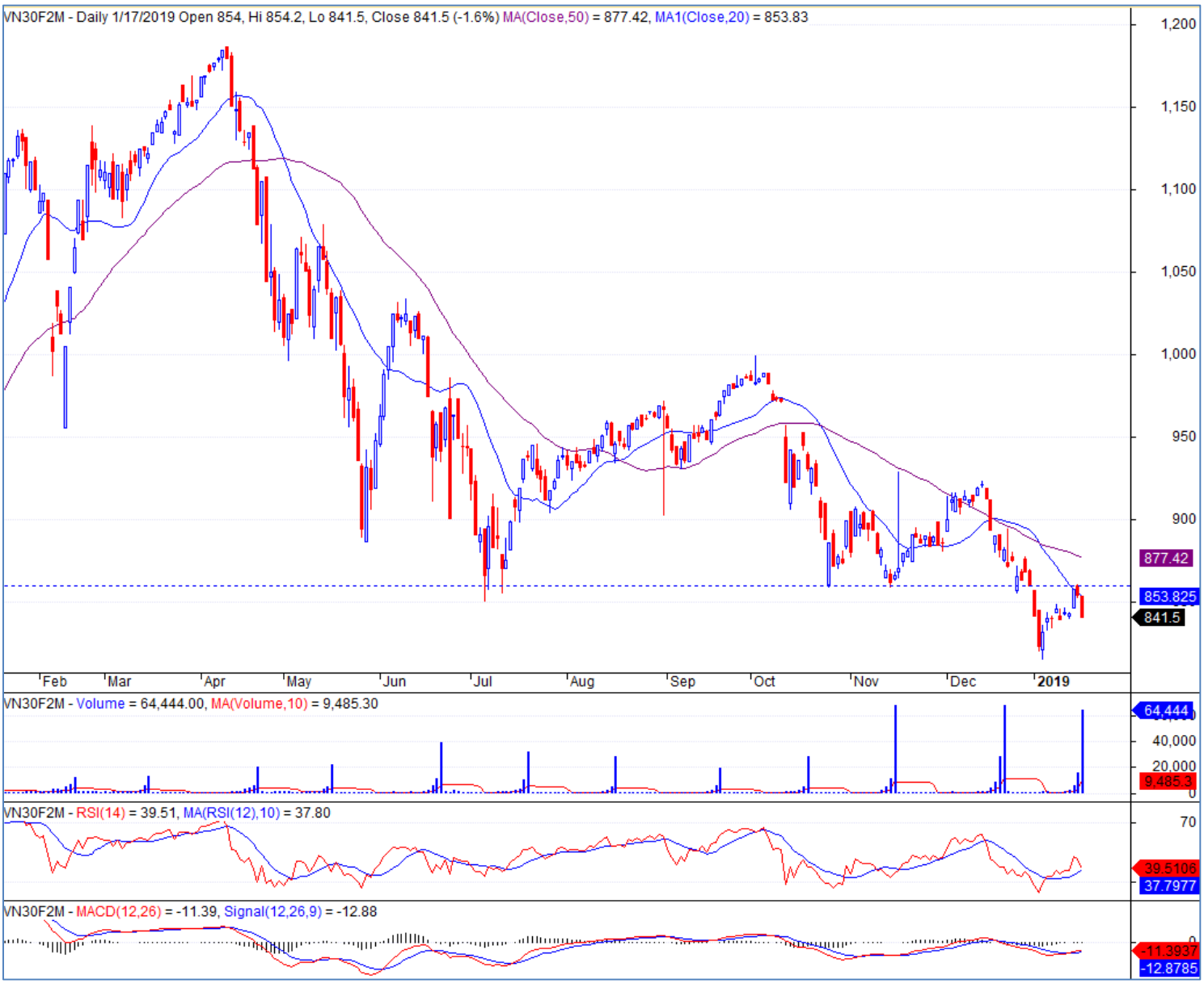

Nhận định xu hướng: Trên đồ thị EOD, hợp đồng tháng 2 VN30F1902 tạo cây nến giảm điểm Bearish Belt-Hold sau khi giá retest lại vùng kháng cự trung hạn quanh 860 điểm. Chỉ báo RSI cũng quay đầu giảm điểm từ ngưỡng 50. Tín hiệu kỹ thuật đang cho tín hiệu điều chỉnh đang quay trở lại.

Chiến lược đầu tư: Nhà đầu tư có thể mở vị thế Short khi xu hướng điều chỉnh đang quay trở lại.

- Short VN30F1902 với điểm vào vùng 841-842 điểm. Mục tiêu 820 điểm. Dừng lỗ ở 846 điểm.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	KLGD	KL Mở	Ngày thanh toán cuối cùng	Thời gian còn lại
	Đơn vị: Điểm	*Điểm*	*%*	*cp/hợp đồng*	*hợp đồng*		*ngày*
VN30 Index	853	-10.9	-1.3%	33,032,340			
VN30F1901	850	-10.7	-1.2%	25,125	12,216	17/01/2019	0
VN30F1902	842	-13.3	-1.6%	64,444	9,197	21/02/2019	35
VN30F1903	841	-13.9	-1.6%	168	285	21/03/2019	63
VN30F1906	842	-13.9	-1.6%	53	275	20/06/2019	154

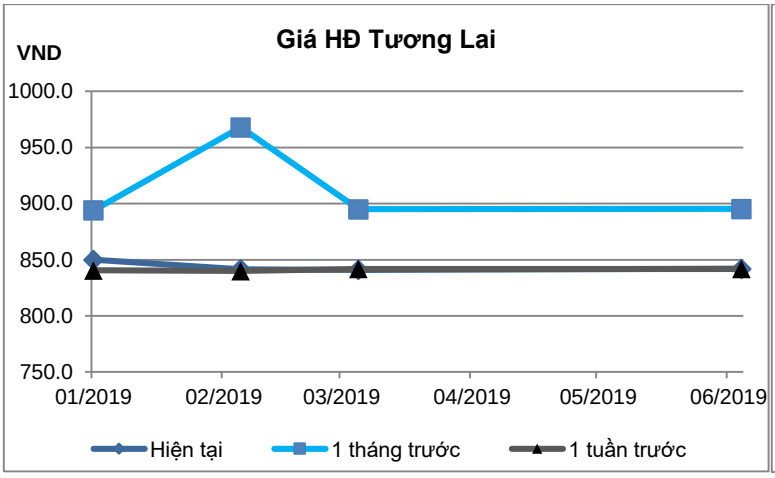

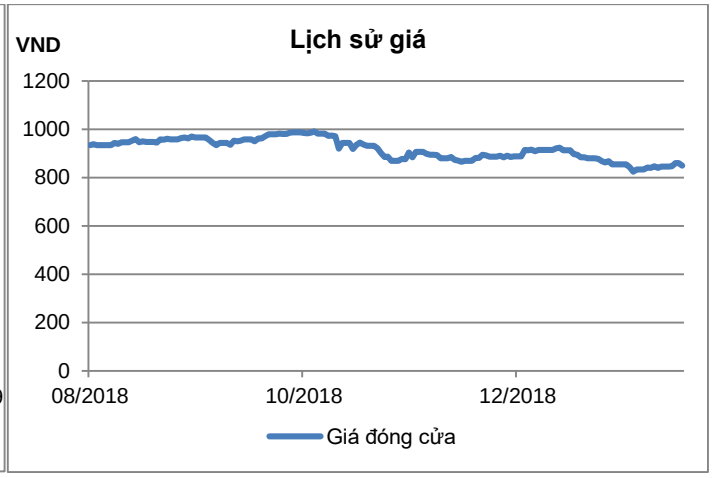

DANH SÁCH CP CHỈ SỐ VN30

Mã CP	Tên	Ngành	Tỷ trọng	Giá đóng cửa	Vốn hóa	PER	PBR	KLGD 3 tháng	SH Nước Ngoài	Cao 52 Tuần	Thấp 52 Tuần
		Đơn vị:	*%*	*VND*	*Tỷ VND*	*x*	*x*	*'000 cp*	*%*	*VND*	*VND*
BMP	CTCP Nhựa Bình Minh	Công nghiệp	0.3%	49,200	4,028	8.8	1.6	95	77%	95,900	48,150
CII	CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	Công nghiệp	0.8%	23,800	5,896	71.6	1.2	723	56%	39,250	22,600
CTD	CTCP Xây dựng Coteccons	Công nghiệp	1.2%	148,200	11,186	7.3	1.4	154	47%	220,000	120,400
CTG	NH TMCP Công thương Việt Nam	Tài chính	1.3%	18,450	68,697	8.9	1.0	4,075	29%	38,250	17,700
DHG	CTCP Dược Hậu Giang	Chăm sóc sức khỏe	0.5%	82,600	10,800	20.5	3.7	96	49%	118,000	72,700
DPM	TCT CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Nguyên vật liệu	0.7%	22,750	8,903	15.2	1.1	492	22%	26,600	16,100
FPT	CTCP FPT	CNTT	3.6%	42,000	25,769	7.9	2.2	533	49%	56,957	38,500
GAS	TCT Khí Việt Nam	Dịch vụ tiện ích	1.6%	89,000	170,342	13.7	4.0	549	3%	136,400	70,000
GMD	CTCP Gemadept	Công nghiệp	1.2%	25,100	7,453	4.0	1.3	853	49%	38,795	23,000
HPG	CTCP Tập đoàn Hòa Phát	Nguyên vật liệu	6.9%	28,900	61,381	6.7	1.6	4,415	39%	48,429	28,700
HSG	CTCP Tập đoàn Hoa Sen	Nguyên vật liệu	0.3%	6,610	2,544	6.2	0.5	3,483	16%	24,727	5,920
KDC	CTCP Tập đoàn KIDO	Hàng tiêu dùng thiết yếu	0.5%	22,150	4,555	N/A	0.8	61	22%	45,800	21,800
MBB	NH TMCP Quân đội	Tài chính	4.4%	19,750	42,669	8.3	1.4	5,543	20%	31,471	18,050
MSN	CTCP Tập đoàn Masan	Hàng tiêu dùng thiết yếu	7.8%	80,200	93,285	14.8	4.8	645	40%	118,000	71,000

MWG	CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động	Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4.5%	85,300	37,799	13.2	4.5	549	49%	100,653	73,502
NVL	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	Bất động sản	3.5%	56,800	52,849	24.0	3.0	411	7%	78,800	49,300
PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Năng lượng	1.2%	54,700	63,387	16.7	3.2	461	11%	95,500	51,800
PNJ	CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	Hàng tiêu dùng không thiết yếu	2.4%	90,000	15,030	16.6	4.3	303	49%	138,733	75,000
REE	CTCP Cơ điện Lạnh	Công nghiệp	1.0%	31,550	9,782	6.2	1.1	297	49%	44,000	29,150
ROS	CTCP Xây dựng FLC FAROS	Công nghiệp	0.9%	35,550	20,178	27.5	3.5	2,506	2%	145,333	34,850
SAB	TCT CP Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	Hàng tiêu dùng thiết yếu	4.2%	234,500	150,380	34.0	9.0	41	10%	267,500	193,800
SBT	CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa	Hàng tiêu dùng thiết yếu	1.2%	19,750	10,372	24.1	1.7	2,373	11%	22,217	12,547
SSI	CTCP Chứng khoán Sài Gòn	Tài chính	1.4%	25,200	12,831	8.7	1.3	1,829	59%	44,400	25,150
STB	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín	Tài chính	3.6%	11,200	20,201	15.1	0.8	4,630	13%	17,300	9,670
VCB	NH TMCP Ngoại thương Việt Nam	Tài chính	3.7%	55,200	204,730	16.4	3.2	1,195	21%	76,500	46,800
VIC	Tập đoàn Vingroup	Bất động sản	11.7%	102,000	325,545	74.6	5.9	668	9%	113,058	61,570
VJC	CTCP Hàng không Vietjet	Công nghiệp	5.8%	115,500	62,556	12.2	5.9	578	23%	191,167	113,100
VNM	CTCP Sữa Việt Nam	Hàng tiêu dùng thiết yếu	11.3%	132,200	230,215	26.5	9.0	837	59%	178,917	111,500
VPB	NH Viet Nam Thịnh Vượng	Tài chính	6.5%	19,000	46,678	6.7	1.6	3,067	23%	43,259	18,350
VRE	CTCP Vincom Retail	Bất động sản	5.9%	30,100	70,097	46.6	2.7	1,444	32%	50,204	26,700

Lịch sự kiện

Ngày GDKHQ	Mã	Sàn	Nội dung sự kiện
18/01/2019	LCD	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (600đ/cp)
18/01/2019	DPH	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1,200đ/cp)
18/01/2019	NBT	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500đ/cp)
18/01/2019	PBT	Upcom	Giao dịch 17,522,284 cổ phiếu đăng ký giao dịch
18/01/2019	LBC	Upcom	Giao dịch 410,000 cổ phiếu niêm yết bổ sung

Liên hệ

Trụ sở chính

Tòa nhà TNR
Tầng 3, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM.
ĐT: (+84 28) 3914 8585
Fax: (+84 28) 3821 6899

Chi nhánh Hà Nội

Tòa nhà CTM
Tầng 6, 299 Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: (+84 24) 3974 4448
Fax: (+84 24) 3974 4501

Phòng khách hàng định chế

Lâm Hạnh Uyên

Trưởng phòng khách hàng Định chế
(+84 28) 3914 8585 (x1444)
uyen.lh@kisvn.vn

Khuyến cáo

Bản báo cáo này do **Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (KIS)** phát hành với sự đóng góp của các chuyên gia của KIS được nêu trong báo cáo. Báo cáo này được viết nhằm mục đích cung cấp thông tin cho khách hàng là các tổ chức đầu tư, các chuyên gia hoặc các khách hàng cá nhân của KIS tại Việt Nam.

Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng ́mnh các nhà đầu tư nên dựa vào ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh.

Khi viết bản báo cáo này, chúng tôi dựa vào các nguồn thông tin công khai và các nguồn thông tin đáng tin cậy khác, và chúng tôi giả định các thông tin này là đầy đủ và chính xác, mặc dù chúng tôi không tiến hành xác minh độc lập các thông tin này. KIS không đưa ra - một cách ẩn ý hay rõ rang - bất kỳ đảm bảo, cam kết hay khai trình nào và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác và đầy đủ của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này.

Các nhận định, đánh giá và dự đoán trong báo cáo này được đưa ra dựa trên quan điểm chủ quan của chúng tôi vào thời điểm đưa ra báo cáo này và có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần báo trước.

KIS có thể đã, đang và sẽ tiếp tục thực hiện các dịch vụ tư vấn đầu tư hoặc tiến hành các công việc kinh doanh khác cho các công ty được đề cập đến trong báo cáo này. Ngoài ra, KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có liên quan đến việc viết hay phát hành báo cáo này có thể đã, đang và sẽ mua hoặc bán có kỳ hạn chứng khoán hoặc chứng khoán phái sinh (bao gồm quyền chọn) của các công ty được đề cập trong báo cáo này, hoặc chứng khoán hay chứng khoán phái sinh của công ty có liên quan theo cách phù hợp hoặc không phù hợp với báo cáo và các ý kiến nêu trong báo cáo này. Vì thế, nhà đầu tư nên ý thức rằng KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có thể có xung đội lợi ích mà điều đó có thể ảnh hưởng đến nhận định.

Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS.